

**ĐỀ ÁN**  
**TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2023-2024**  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS VÀ THPT NGUYỄN CÔNG TRÚ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định)*

**PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG**

**1. Đặc điểm, tình hình:**

a) Tên trường, địa chỉ, trụ sở, website:

- Tên đơn vị: Trường Tiểu học, THCS Và THPT Nguyễn Công Trứ.
- Địa điểm trụ sở chính: Số 02 - Bến Ngự - Phường Phan Đình Phùng - Thành phố Nam Định - Tỉnh Nam Định.
- Số điện thoại: 02283.515.515
- Trang web: <http://thptnguyencongtru.namdinh.edu.vn/>

b) Quá trình thành lập và phát triển:

- Năm 1989 Trường PTTH Dân lập Nam Định được ký quyết định thành lập theo quyết định số 816-QĐ/UB của UBND tỉnh Hà Nam Ninh ký ngày 08/9/1989;
- Năm 1994, theo quyết định số 680/QĐ-UB của UBND tỉnh Hà Nam, trường được đổi tên thành “THPT Dân lập Nguyễn Công Trứ”;
- Năm 2012, theo quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 24/02/2012 của UBND Tỉnh Nam Định, trường chuyển từ loại hình trường dân lập sang loại hình trường tư thục với tên gọi “THPT Nguyễn Công Trứ”;
- Năm 2015, Theo quyết định số 1363/QĐ-UBND về việc bổ sung nhiệm vụ và đổi tên trường, trường trở thành trường liên cấp đầu tiên tại tỉnh Nam Định với tên gọi “Trường Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Công Trứ” Đây là dấu mốc đánh dấu sự phát triển lớn mạnh của nhà trường.

c) Điểm mạnh:

\* Thành tích của trường:

Từ năm học 2015-2016 Trường liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; 2 năm liền trường đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, các tổ chức đoàn thể của trường liên tục nhận giấy khen, bằng khen của các cấp. Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tặng cờ thi đua năm 2017 và được UBND tỉnh tặng Bằng khen các năm học 2019-2020, 2020-2021. Được Bộ trưởng Bộ GDĐT tặng Bằng khen đã có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” năm học 2021-2022;

- Thành tích học sinh giỏi: Liên tục các năm học các đội tuyển HSG của trường dự thi HSG văn hóa và TDTT cấp tỉnh đều đạt giải. Năm học 2022-2023 có 8 học sinh đạt giải cá nhân trong đó có: 01 giải Nhì, 02 giải Ba và 05 giải Khuyến

khích; toàn đoàn đạt giải Ba và đứng đầu khối ngoài công lập về thành tích HSG văn hóa cấp tỉnh;

- Thành tích giáo viên: 100% giáo viên của trường đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; Năm học 2021-2022 có 07 giáo viên được công nhận “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”; trường có 05 giáo viên của trường được công nhận “Giáo viên giỏi” trong các Hội thi cấp cụm và cấp tỉnh.

\* Về cơ sở vật chất:

- Có 28 phòng học với trang thiết bị hiện đại: Bảng từ, đèn chiếu bảng chống lóa, đèn chiếu sáng, máy chiếu, điều hòa, quạt, loa, camera;

- Có hội trường với sức chứa gần 1.000 chỗ ngồi với hệ thống chiếu sáng, âm thanh, điều hòa để tổ chức các sự kiện trong nhà;

- Có hơn 7.000m<sup>2</sup> sân chơi, bãi tập;

- Có phòng tập thể dục, thể thao.

d) Điểm yếu:

\* Về cơ sở vật chất: Còn thiếu phòng thư viện, phòng thực hành bộ môn.

\* Về học sinh: Khoảng 15% học sinh có điểm đầu vào thấp; một bộ phận học sinh có hoàn cảnh khó khăn (về kinh tế hoặc bố, mẹ ly hôn).

\* Về đội ngũ giáo viên:

- Một số ít giáo viên chưa thành thạo trong việc sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, chưa bắt kịp với những nội dung đổi mới trong giáo dục;

- Tỷ lệ giáo viên thỉnh giảng cao 18/56 giáo viên (chiếm 32%) nên sắp xếp chuyên môn, thời khóa biểu khó ổn định.

e) Cơ hội và thách thức:

\* Cơ hội:

- Toàn ngành tiếp tục triển khai Kết luận 51 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tập trung triển khai Nghị quyết 88 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông sẵn sàng cho việc áp dụng từ năm 2022-2023 đối với lớp 10 và từ năm 2023-2024 đối với lớp 11.

\* Thách thức: Tình hình kinh tế- xã hội trong nước có nhiều khó khăn do tác động của dịch bệnh, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen, tác động mạnh mẽ đến hoạt động của ngành Giáo dục.

f) Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị:

\* Tầm nhìn: Trường Tiểu học, THCS, THPT Nguyễn Công Trứ trở thành trường có quy mô đào tạo nhiều cấp học, phát triển trên các mặt cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất và các hoạt động giáo dục, nghiên cứu KH-CN và ứng dụng CNTT; đào tạo nhân lực hội tụ năng lực, phẩm chất của những người lao động có kỷ luật, có năng lực tốt, yêu nghề, sáng tạo, biết

tự khẳng định giá trị của bản thân, có ý thức học tập suốt đời, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, khẳng định thương hiệu Trường trong tỉnh Nam Định.

\* Sứ mệnh: Trường Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Công Trứ đào tạo chất lượng cao theo nhu cầu, tăng cường ngoại ngữ, kỹ năng sống và giáo dục tinh thần tự chủ, trách nhiệm giúp học sinh thích ứng trong xu thế hội nhập. Xây dựng trường học hạnh phúc.

\* Giá trị: Trong quá trình hoạt động vừa qua Nhà trường đã tích lũy được những giá trị cốt lõi sau:

Đổi mới - Bền vững;

Sáng tạo - Chất lượng;

Học theo lựa chọn - Hướng nghiệp, chuyên sâu;

Tăng cường ngoại ngữ - Thích ứng, hội nhập;

Giáo dục kỹ năng - Năng động, tự chủ;

Nâng cao nhận thức - Hướng đến thành công.

g) Mục tiêu chiến lược:

\* Mục tiêu tổng quát: Phát triển một cách hợp lý quy mô gắn với nâng cao chất lượng; có Cơ sở vật chất khang trang đáp ứng nhu cầu Dạy-Học tiên tiến với các khối phòng học văn hóa, phòng bộ môn, thư viện, sân vườn và các công trình phụ trợ đạt chuẩn. Đội ngũ Giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, tâm huyết, thỏa mãn nhu cầu người học; học sinh được trang bị kiến thức, kỹ năng đủ tự tin đi vào cuộc sống, tiếp tục học lên thích ứng với nhu cầu của xã hội.

\* Mục tiêu cụ thể:

- Về xây dựng Đảng và các Đoàn thể: Phát triển chi bộ Đảng và xây dựng “Chi bộ trong sạch, vững mạnh”. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đạt tiên tiến xuất sắc được Thành Đoàn, Liên đoàn Lao động Thành phố tặng bằng khen.

- Về đào tạo:

+ Quy mô: Tuyển sinh cấp Tiểu học vào năm học 2027-2028 dự kiến 2-4 lớp đầu cấp, từ đó tăng dần (học sinh theo lên lớp trên và tuyển mới). Hình thành các lớp đào tạo du học chuyên tiếp hợp tác với các đối tác giáo dục Nhật bản, Hàn quốc, Singapore, Úc, Đức, Mỹ, Canada...

+ Chất lượng đào tạo các cấp, các hệ từ nay đến năm 2030: Đồng thời với việc nâng cao chất lượng đại trà, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi, định hướng phân luồng học sinh tạo thương hiệu mới và nâng cao năng lực cạnh tranh cho nhà trường;

+ Về xây dựng đội ngũ: Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, đặc biệt quan tâm đến đào tạo sau đại học, đưa số giáo viên có trình độ sau đại học vào năm 2030 lên 70%, nâng tổng số GV lên 90-100 GV; khắc phục tình trạng đội ngũ GV thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, ưu tiên

tuyển chọn những GV có trình độ ngoại ngữ và tin học.

- Về cơ sở vật chất:

+ Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cho hoạt động đúng quy định theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ GDĐT Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Xin đất mở rộng diện tích khuôn viên trường. Xây dựng thêm các khối phòng học hiện đại. Trước mắt cải tạo, sửa chữa hình thành 5 phòng học mới (phòng học âm nhạc, phòng học Tin, Thư viện, phòng Tâm lý học đường, phòng Thư viện); kế hoạch hoàn thành vào đầu tháng 6/2023.

- Trang thiết bị: Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thí nghiệm bảo đảm đủ cho việc tổ chức Dạy - Học theo yêu cầu.

## 2. Quy mô trường, lớp:

Năm học	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Khối 10		Khối 11		Khối 12	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2018-2019	18	804	7	324	6	258	5	222
2019-2020	20	863	7	292	7	318	6	253
2020-2021	22	956	8	355	7	287	7	314
2021-2022	24	1.025	9	388	8	356	7	281
2022-2023	26	1.186	9	442	9	391	8	353

## 3. Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (*Phụ lục 1,2,3,4*).

- Kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm:

Năm học	Tổng số học sinh	Học lực (tỷ lệ %)				Hạnh kiểm (tỷ lệ %)			
		Giỏi/Tốt	Khá	TB/Đạt	Yếu/CĐ	Tốt	Khá	TB/Đạt	Yếu/CĐ
2020-2021	956	348	468	123	17	872	81	4	0
2021-2022	1025	446	477	91	11	981	44	0	0
2022-2023 (Kỳ I)	1186	403/100	312/324	28/18	1	704/417	37/22	3/3	0

- Kết quả thi tốt nghiệp THPT các cuộc thi, hội thi:

Năm học	Thi tốt nghiệp THPT		Các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh (Số giải)			
	Điểm trung bình	Xếp thứ trong tỉnh	Thi HSG văn hóa	Hùng biện tiếng Anh	Sáng tạo KHKT	Các cuộc thi khác
2020-2021	6.456	43/57	5	0	0	6
2021-2022	6.456	46/57	8	0	0	0
2022-2023	-	-	8	0	0	3 (Sử bằng tiếng Anh)

## PHẦN 2. THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH

### I. Thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 của 03 năm gần nhất

Năm học	Phương thức tuyển sinh	Số lượng hồ sơ đăng kí dự thi/xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh	Điểm xét tuyển	Số lượng thí sinh trúng tuyển
2020-2021	Xét tuyển	499	270	11.5	346
2021-2022	Xét tuyển	576	270	27.0	386
2022-2023	Xét tuyển	577	360	23.5	436

### II. Thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024

#### 1. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình GDTX, trong độ tuổi theo quy định hiện hành của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, tham dự kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập năm học 2023-2024 tỉnh Nam Định.

#### 2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 09 lớp, 405 học sinh

#### 3. Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển kết quả thi tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2023-2024 của các thí sinh có nguyện vọng học tập tại trường.

Điều kiện đăng ký xét tuyển:

- Có đủ 03 bài thi theo quy định;
- Không vi phạm Quy chế thi;
- Không có bài thi nào dưới 1,00 điểm;
- Có phiếu xác nhận điểm;
- Có tổng điểm xét tuyển từ 15,00 điểm trở lên;
- Có đơn xin xét tuyển vào lớp 10 năm học 2023-2024 trường TH, THCS,

THPT Nguyễn Công Trứ đúng thời hạn theo quy định.

#### **4. Nguyên tắc xét trúng tuyển:**

a) Điểm xét tuyển: Là tổng điểm của 03 bài thi (đã tính hệ số) và điểm ưu tiên (nếu có).

b) Xét trúng tuyển: Căn cứ danh sách thí sinh đủ điều kiện xét trúng tuyển, lấy trúng tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu hoặc hết nguồn thí sinh có đủ điều kiện.

- Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét trúng tuyển như sau:

+ Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau không vượt quá 2% thì đề nghị với Sở GDĐT cho tuyển hết số thí sinh này.

+ Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau vượt quá 2% chỉ tiêu thì xét trúng tuyển đảm bảo đúng chỉ tiêu được giao theo thứ tự ưu tiên: Thí sinh có tổng điểm thi Ngữ văn cộng Toán cao hơn; thí sinh có độ lệch điểm hai môn Ngữ văn và Toán ít hơn; thí sinh có điểm tổng kết trung bình cả năm lớp 9 cao hơn. Sau khi xét hết các tiêu chí trên mà vẫn còn các thí sinh bằng điểm nhau thì đề nghị Sở GDĐT được lấy hết những thí sinh này.

#### **5. Tuyển thẳng và chế độ ưu tiên:**

a) Tuyển thẳng: *Theo Kế hoạch Tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023-2024 được Ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023 của UBND tỉnh Nam Định.*

b) Chế độ ưu tiên: *Theo Kế hoạch Tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023-2024 được Ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023 của UBND tỉnh Nam Định.*

#### **6. Hồ sơ tuyển sinh:**

- Học bạ THCS bản chính;
- Bản sao giấy khai sinh có công chứng;
- Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời;
- Phiếu đăng ký xét tuyển;
- Giấy ưu tiên (nếu có).

**7. Các nội dung khác:** Học sinh xin xét tuyển vào trường phải cam kết học đủ 3 năm học tại trường.

#### **8. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian, địa điểm tuyển sinh:**

- Thời gian tuyển sinh: Theo thời gian quy định của Sở GDĐT đối với các trường ngoài công lập tổ chức xét tuyển (*hoàn thành trước 31/8/2022*).

- Địa điểm thu hồ sơ: Văn phòng trường Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Công Trứ, Số 2, Bến Ngự, P. Phan Đình Phùng, TP Nam Định.

### PHẦN 3

## THÔNG TIN VỀ MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC TỪ NGƯỜI HỌC

#### 1. Học phí:

- Học phí năm thứ nhất (lớp 10 năm học 2023-2024) là: 1.700.000đ/tháng. Trong đó mỗi tuần gồm 6 buổi sáng và 3 buổi chiều, thu 09 tháng.

- Học phí năm thứ hai (lớp 11 năm học 2024-2025) là: 2.000.000đ/tháng. Trong đó mỗi tuần gồm 6 buổi sáng và 3 buổi chiều, thu 09 tháng.

- Học phí năm thứ ba (lớp 12 năm học 2025-2026) là: 2.500.000đ/tháng. Trong đó mỗi tuần gồm 6 buổi sáng và 3 buổi chiều, thu 09 tháng.

- Các khoản thu trong tháng 8 phụ thuộc vào hoạt động thực tế trên tinh thần tự nguyện và thỏa thuận với học sinh và cha mẹ học sinh.

- Học sinh giỏi được bồi dưỡng miễn phí.

- Học sinh lớp 12 học ôn thi tốt nghiệp ngoài Khung thời gian năm học tại trường đóng tiền theo sự thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện.

#### 2. Các khoản đóng góp khác:

- Tiền gửi xe: Theo Quyết định 01/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nam Định.

- Câu lạc bộ: 250.000đ/tháng;

- Tiếng Anh với người nước ngoài: 40.000đ/tiết; học 04 tiết/tháng;

- Bảo hiểm y tế: Thu theo quy định;

- Khám sức khỏe: 01 lần/năm, mức thu theo quy định của cơ sở y tế;

- Ngoài ra các hoạt động trải nghiệm: Tùy theo hình thức tổ chức hoạt động sẽ thỏa thuận với học sinh và cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện.

#### 3. Chính sách học bổng, miễn giảm học phí thực hiện đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội trong từng năm học.

Tùy theo tình hình thực tế, kết quả vận động các doanh nghiệp, những người hảo tâm ủng hộ trực tiếp tới học sinh.

## PHỤ LỤC 1

Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn  
Công Trứ năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuyển những HS đã tốt nghiệp THCS theo Kế hoạch Tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023-2024 của Tỉnh.</li> <li>Tiếp nhận học sinh đã được vào lớp 10 ở nơi khác chuyển đến (hồ sơ hợp lệ và được SGD cho phép).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HS đã hoàn thành chương trình lớp 10 tại trường và được lên lớp 11.</li> <li>Tiếp nhận tất cả những học sinh đã được lên lớp 11 ở nơi khác chuyển đến khi có hồ sơ hợp lệ và được SGD cho phép.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HS đã hoàn thành chương trình lớp 11 và được lên lớp 12.</li> <li>Tiếp nhận tất cả những học sinh đã được lên lớp 12 ở nơi khác chuyển đến khi có hồ sơ hợp lệ và được SGD cho phép.</li> </ul>
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện chương trình dạy học theo khung chương trình GDPT của BGD.</li> <li>Thời gian học: Mỗi tuần học sinh học 6 buổi sáng (chính khóa), 3 buổi chiều (chuyên đề). Thời gian còn lại: Học Câu lạc bộ, Trải nghiệm, Phụ đạo, Nâng cao, Bồi dưỡng HSG, Tiếng Anh tăng cường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện chương trình dạy học theo khung chương trình GDPT của BGD.</li> <li>Thời gian học: Mỗi tuần học sinh học 6 buổi sáng (chính khóa), 3 buổi chiều (chuyên đề). Thời gian còn lại: Học Câu lạc bộ, Trải nghiệm, Phụ đạo, Nâng cao, Bồi dưỡng HSG, Tiếng Anh tăng cường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện chương trình dạy học theo khung chương trình GDPT của BGD.</li> <li>Thời gian học: Mỗi tuần học sinh học 6 buổi sáng (chính khóa), 3 buổi chiều (chuyên đề). Thời gian còn lại: Học Câu lạc bộ, Trải nghiệm, Phụ đạo, Nâng cao, Bồi dưỡng HSG, Tiếng Anh tăng cường.</li> </ul>
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu về phối hợp giữa nhà trường và PHHS: Nhà trường và PHHS liên hệ thường xuyên, chặt chẽ, phối hợp giáo dục HS thông qua trao đổi trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, họp PHHS ít nhất 3 lần/năm.</li> <li>Yêu cầu về thái độ của HS: Tự giác, chủ động, tăng cường giao tiếp, hợp tác, tham gia tích cực vào các hoạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu về phối hợp giữa nhà trường và PH: Nhà trường và PHHS liên hệ thường xuyên, chặt chẽ, phối hợp giáo dục HS thông qua trao đổi trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, họp PHHS ít nhất 3 lần/năm.</li> <li>Yêu cầu về thái độ của HS: Tự giác, chủ động, tăng cường giao tiếp, hợp tác, tham gia tích cực vào các hoạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu về phối hợp giữa nhà trường và PH: Nhà trường và PHHS liên hệ thường xuyên, chặt chẽ, phối hợp giáo dục HS thông qua trao đổi trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, họp PHHS ít nhất 3 lần/năm.</li> <li>Yêu cầu về thái độ của HS: Tự giác, chủ động, tăng cường giao tiếp, hợp tác, tham gia tích cực vào</li> </ul>

		động học tập và giáo dục. Chăm chỉ, tự trọng, trung thực, đoàn kết, yêu thương bạn bè thầy cô.	động học tập và giáo dục. Chăm chỉ, tự trọng, trung thực, đoàn kết, yêu thương bạn bè thầy cô.	các hoạt động học tập và giáo dục. Chăm chỉ, tự trọng, trung thực, đoàn kết, yêu thương bạn bè thầy cô.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động NGLL lớp theo quy định của BGD.</li> <li>- Tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm.</li> <li>- Hoạt động bồi dưỡng HSG, phụ đạo học sinh yếu kém.</li> <li>- Hoạt động dạy ngoại ngữ với giáo viên người nước ngoài.</li> <li>- Hoạt động chăm sóc sức khỏe học đường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động NGLL lớp theo quy định của BGD.</li> <li>- Tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm.</li> <li>- Hoạt động bồi dưỡng HSG, phụ đạo học sinh yếu kém.</li> <li>- Hoạt động dạy ngoại ngữ với giáo viên người nước ngoài.</li> <li>- Hoạt động dạy nghề.</li> <li>- Hoạt động chăm sóc sức khỏe học đường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động NGLL lớp theo quy định của BGD.</li> <li>- Tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm.</li> <li>- Hoạt động bồi dưỡng HSG, phụ đạo học sinh yếu kém.</li> <li>- Hoạt động tư vấn hướng nghiệp</li> <li>- Hoạt động chăm sóc sức khỏe học đường.</li> </ul>
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>- Về năng lực: Hình thành, phát triển cho học sinh các năng lực chung là tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo và 7 năng lực chuyên môn bám sát hệ thống môn học xuyên suốt trong các cấp học. Từ đó giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc</p>	<p>- Về năng lực: Hình thành, phát triển cho học sinh các năng lực chung là tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo và 7 năng lực chuyên môn bám sát hệ thống môn học xuyên suốt trong các cấp học. Từ đó giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc</p>	<p>- Về năng lực: Hình thành, phát triển cho học sinh các năng lực chung là tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo và 7 năng lực chuyên môn bám sát hệ thống môn học xuyên suốt trong các cấp học. Từ đó giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc</p>

		<p>sống lao động.</p> <p>- Về phẩm chất: Hình thành và bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p> <p>- Về sức khỏe: Thông qua hình thức câu lạc bộ thể thao, HS được chọn nội dung hoạt động thể thao phù hợp với nguyện vọng của mình và khả năng đáp ứng của nhà trường. Các em được tiếp tục phát triển kỹ năng chăm sóc sức khỏe và vệ sinh thân thể, phát triển về nhận thức và năng khiếu thể thao, giúp những học sinh có năng khiếu thể thao định hướng nghề nghiệp phù hợp.</p>	<p>động.</p> <p>- Về phẩm chất: Hình thành và bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p> <p>- Về sức khỏe: Thông qua hình thức câu lạc bộ thể thao, HS được chọn nội dung hoạt động thể thao phù hợp với nguyện vọng của mình và khả năng đáp ứng của nhà trường. Các em được tiếp tục phát triển kỹ năng chăm sóc sức khỏe và vệ sinh thân thể, phát triển về nhận thức và năng khiếu thể thao, giúp những học sinh có năng khiếu thể thao định hướng nghề nghiệp phù hợp.</p>	<p>sống lao động.</p> <p>- Về phẩm chất: Hình thành và bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.</p> <p>- Về sức khỏe: Thông qua hình thức câu lạc bộ thể thao, HS được chọn nội dung hoạt động thể thao phù hợp với nguyện vọng của mình và khả năng đáp ứng của nhà trường. Các em được tiếp tục phát triển kỹ năng chăm sóc sức khỏe và vệ sinh thân thể, phát triển về nhận thức và năng khiếu thể thao, giúp những học sinh có năng khiếu thể thao định hướng nghề nghiệp phù hợp.</p>
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tiếp tục học lên lớp 11	Tiếp tục học lên lớp 12	<p>- Tiếp tục học lên CĐ, ĐH</p> <p>- Học nghề và đi làm theo nghề đã chọn</p> <p>- Đi du học hoặc lao động ở nước ngoài.</p>

**PHỤ LỤC 2****Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Công Trứ năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1025	388	356	281
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	95,52	96,15	91,29	100,00
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	4,48	3,85	8,71	0,00
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00
II	Số học sinh chia theo học lực	1025	388	356	281
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	43,51	32,22	36,52	67,97
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	46,53	53,09	50,84	32,03
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	8,88	12,37	12,08	0,00
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1,07	2,31	0,56	0,00
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99,9	99,74	100,00	100,00

a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	43,51	32,22	36,52	67,97
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	46,53	53,09	50,84	32,03
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1,07	2,31	0,56	0,00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0,88/0,59	1,55/1,03	0,84/0,28	0/0,36
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.2	0.52	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	8	0	0	8
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	280	0	0	280
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	280	0	0	280
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
VIII	Số học sinh nữ/số học sinh nam	487/538	197/191	160/196	130/151
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**PHỤ LỤC 3**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học, THCS và THPT  
Nguyễn Công Trứ năm học 2023-2024**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Bình quân</b>
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	<b>30</b>	<b>1,2 m<sup>2</sup>/1học sinh</b>
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	30	1,2 m <sup>2</sup> /1học sinh -
5	Số phòng học bộ môn	3	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/ 1 phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45HS/ 1 lớp	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	<b>1</b>	-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	<b>12.500</b>	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, sân vận động, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b> <b>Sân vận động</b> <b>Sân chơi, bãi tập</b>	<b>9.290</b> <b>1150</b> <b>8140</b>	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	1800	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	180	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	60	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	600	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	30	
6	Diện tích phòng tập gym (m <sup>2</sup> )	150	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		<b>số bộ/lớp</b>
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	10	
1.2	Khối lớp 11	9	
1.3	Khối lớp 12	9	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		

2.3	Khôi lớp...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	<b>25</b>	<b>Số học sinh/bộ</b>
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	7	
2	Cát xét	14	
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	30	
5	Thiết bị khác...		
6	.....		

<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	7	
2	Cát xét	14	
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	30	
5	Điều hòa	75	
6	Quạt	120	
7	Loa	26	

	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng (m<sup>2</sup>)</b>		
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	50		
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	200		
	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng phòng, tổng diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Số chỗ</b>	<b>Diện tích bình quân/chỗ</b>
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	2 60 m <sup>2</sup>		
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	0		

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	<b>Dùng cho giáo viên</b>	<b>Dùng cho học sinh</b>		<b>Số m<sup>2</sup>/học sinh</b>	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		8		0.1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	x	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet</b>	x	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	x	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	

Nhà trường cam kết: Hoàn thiện Cơ sở vật chất đầu tháng 6.

- Bảo đảm đủ 28 phòng học văn hóa (1 lớp/phòng).
- Đủ phòng học bộ môn (Lý, Hóa, Sinh); 2 phòng học Tin.
- 01 phòng thư viện; 1 phòng Tâm lý học đường; 1 phòng học tiếng.
- Đủ các phòng chức năng; công trình phụ trợ khác.
- Mua sắm trang bị đủ thiết bị, đồ dùng Dạy- Học.

## PHỤ LỤC 4

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường Tiểu học, THCS, THPT Nguyễn Công Trứ năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Không đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	65	1	19	40		0	5				65			
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	56	1	19	36							56			
1	Toán	8		5	3							8			
2	Lý	4		1	3							4			
3	Hóa	3		2	1							3			
4	Sinh học	2			2							2			
5	Văn	11	1	4	6							11			
6	Lịch Sử	5		2	3							5			
7	Địa lý	5		1	4							5			
8	Anh	9		1	8							9			
9	GDCD	3		1	2							3			
10	TD-GDQP	4			4							4			
11	Tin	3		1	3							3			
12	Công nghệ	1		1								1			
II	Cán bộ quản lý	2			2							2			

1	Hiệu trưởng	1			1						1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1			
III	Nhân viên	7			7						7			
1	Nhân viên văn thư	<u>1</u>												
2	Nhân viên kế toán	1				1					1			
3	Thủ quỹ	1				1					1			
4	Nhân viên y tế	<u>1</u>												
5	Nhân viên thư viện	<u>1</u>												
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	<u>1</u>												
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1												
9	Bảo vệ, tạp vụ	5					5				5			

\* Nhà trường cam kết bố trí đủ giáo viên, bảo đảm cơ cấu hợp lý để tổ chức Dạy- Học theo quy định (tuyển thêm Giáo viên cơ hữu: 01 Âm nhạc; 01 tiếng Anh; 01 Lịch sử; 01 Công nghệ; 01 Tin học; 01 GDCD; 01 Toán). Trường hợp không có nguồn tuyển giáo viên Cơ hữu trường sẽ hợp đồng với Giáo viên các trường Công lập trong tỉnh (THPT, Cao đẳng, Đại học đủ điều kiện)./.